

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thị Phương Liên** - Giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam. *Mã số: 152.1FiBa.12* 2  
*Solutions to Developing Non-Cash Payment in Vietnam*
- 2. Nguyễn Hoài Nam** - Cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới ở Tỉnh Nghệ An. *Mã số: 152.1Deco.11* 9  
*Mechanism of Using Financial Resources from the State Budget for New Rural Construction in Nghe An Province*
- 3. Phạm Văn Hồng và Phạm Minh Đạt** – Chính thức hóa khu vực hộ kinh doanh cá thể: thực trạng và kiến nghị. *Mã số: 152.1SMET.12* 18  
*Formalizing Household Sector: Situation and Suggestions*
- 4. Phan Anh Tú và Hứa Thanh Nghị** - Các nhân tố tác động đến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thành phố Cần Thơ. *Mã số: 152.1IIEM.12* 24  
*Factors Affecting FDI in Can Tho City*
- 5. Nguyễn Đức Kiên** - Nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn áp dụng mô hình sử dụng đất nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu: Nghiên cứu trường hợp của nông hộ ở vùng cát nội đồng tỉnh Quảng Bình. *Mã số: 152.1GEMg.12* 33  
*Factors Influencing the Adoption of Agricultural Land Use Models Towards Adaptation to Climate Change: A Case Study of Farmers in the Sandy Area of Quang Binh Province*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 6. Phan Chí Anh và Nguyễn Thu Hà** - Phát triển sản phẩm mới tại các doanh nghiệp sản xuất Châu Á: tiếp cận ở góc độ thị trường. *Mã số: 152.2BMkt.22* 41  
*Developing New Products in Asian Producing Enterprises: from Market Perspective*
- 7. Lưu Thị Minh Ngọc** - Tác động của đổi mới công nghệ ngân hàng lõi đến kết quả hoạt động của ngân hàng thương mại - nghiên cứu trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. *Mã số: 152.2FiBa.21* 49  
*Impact of Core Banking Technology Innovation on Commercial Bank Performance – Case Study at Vietinbank*
- 8. Đỗ Thị Vân Trang** - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc kỳ hạn nợ giữa các ngành kinh doanh. *Mã số: 152.2FiBa.22* 57  
*Determinants of the Debt Maturity Structure in Different Sectors*
- 9. Đàm Thị Thanh Huyền** - Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tài chính tại các công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. *Mã số: 152.2FiBa.22* 65  
*Factors Affecting Financial Risk at Member Firms of Vietnam Coal - Mineral Industry Group*

### Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 10. Phạm Hùng Cường và Hoàng Ngọc Bảo Châu** - Ý định lựa chọn sản phẩm thương mại điện tử của người tiêu dùng khi mua sắm hàng hóa ngoài lãnh thổ Việt Nam. *Mã số: 152.3BAadm.31* 76  
*Intention to Select E-Commerce Products of Consumers Shopping Outside Vietnam*

# CƠ CHẾ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH NGHỆ AN

**Nguyễn Hoài Nam**

Trường Đại học Vinh

Email: namnh@vinhuni.edu.vn

Ngày nhận: 02/02/2021

Ngày nhận lại: 23/03/2021

Ngày duyệt đăng: 26/03/2021

*Bài viết phân tích thực trạng, đồng thời xây dựng và kiểm định mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An. Với phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với so sánh, phân tích, tổng hợp dựa trên cơ sở điều tra khảo sát thực tế (250 đối tượng). Kết quả nghiên cứu cho thấy, về cơ bản cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính hiệu lực, phù hợp... Bên cạnh đó, vẫn còn những tồn tại (trong kiểm soát nguồn vốn lồng ghép, phân bổ ngân sách cho phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, năng lực và trách nhiệm chủ đầu tư...) đã ảnh hưởng đến tiến độ, kế hoạch xây dựng nông thôn mới. Kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu cũng chứng minh được rằng tất cả các biến đưa vào mô hình đều có tác động thuận chiều đến cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới, trong đó, trình độ quản lý có ảnh hưởng mạnh nhất. Từ đó, bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** cơ chế sử dụng ngân sách; ngân sách nhà nước; nông thôn mới.

**JEL Classifications:** D04, P14, Q15

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói chung, xây dựng nông thôn mới nói riêng và đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới trên cả nước. Để giải quyết những vấn đề đang phát sinh từ thực tiễn trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Thủ tướng Chính Phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2010-2020 tại Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04/6/2010. Xây dựng nông thôn mới cần nguồn lực tài chính lớn, phải đa dạng hóa các nguồn lực, đa dạng hóa cách làm, tận dụng các tiềm năng, lựa chọn nội dung, mức độ huy động phù hợp với sức dân, thực hiện theo phương châm “Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (NSNN) là cần thiết”. Trong đó NSNN đảm

bảo cung cấp nguồn lực tài chính mang tính “xương sống” ở nông thôn, có vai trò tạo tiền đề, động lực để thu hút các nguồn vốn ngoài NSNN vào xây dựng nông thôn mới (Lê Sỹ Thọ, 2016).

Tại Nghệ An, giai đoạn 2010-2019 toàn tỉnh đã có 225 xã được UBND tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 52,20%), trong đó có 4 xã thuộc huyện nghèo 30<sup>a</sup>, 2 xã biên giới, có 30 xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, 87 xã có đồng bào giáo dân, có 03 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành và đạt chuẩn nông thôn mới. Đạt được kết quả trên có đóng góp không nhỏ của cơ chế sử dụng NSNN chủ động, linh hoạt, rõ ràng, hiệu quả. Tuy nhiên, cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN ở tỉnh Nghệ An vẫn còn bất cập, hạn chế ảnh hưởng tiến độ xây dựng nông thôn mới tại Nghệ An và chưa đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra và đáp ứng nhu cầu thực tế. Bài viết này trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng cơ chế sử dụng NSNN cho xây dựng nông thôn mới ở Nghệ An thời

gian qua, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An.

## **2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

#### **2.1.1. Cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân NSNN cho xây dựng nông thôn mới**

Cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng NTM bao gồm các quy định về quản lý tài chính từ khâu xây dựng lập dự toán đến khâu tổ chức thực hiện và quyết toán NSNN. Sử dụng NSNN là bước tiếp theo của phân bổ ngân sách trong khâu chấp hành ngân sách, nhằm biến các chỉ tiêu chi ngân sách ghi trong kế hoạch phân bổ trở thành hiện thực (Đào Phan Cẩm Tú, 2014). Giữa phân bổ, sử dụng ngân sách có mối quan hệ chặt chẽ và biện chứng. Một ngân sách được phân bổ hợp lý, khoa học sẽ là tiền đề cho việc sử dụng ngân sách được thuận lợi, hiệu quả; một ngân sách sử dụng có kết quả cao và đạt được mục tiêu đề ra là minh chứng cho việc phân bổ ngân sách là tối ưu (Đào Phan Cẩm Tú, 2014).

*Về khâu lập dự toán:* lập dự toán là khâu mở đầu rất quan trọng trong quản lý sử dụng NSNN. Khi thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới thì nguồn lực tài chính phải được phân bổ cho các công trình, dự án do các ban quản lý thực hiện và tuân theo quy trình về sử dụng ngân sách. Các nguồn lực tài chính phải được lập dự toán và xác định thứ tự ưu tiên để phân bổ cho từng địa phương trên cơ sở khảo sát ý kiến, nguyện vọng của người dân. Cơ quan cấp trên khi thực hiện phân bổ dự toán phải nhìn vào điều kiện thực tế kinh tế xã hội của từng địa phương thuộc phạm vi quản lý (Đoàn Thị Hân, 2017).

*Về khâu thực hiện:* đây là khâu có ý nghĩa quyết định tới chất lượng của quá trình quản lý sử dụng NSNN. Dự toán đã lập có trở thành hiện thực hay không, tùy thuộc vào khả năng điều hành và quản lý tài chính của đơn vị. Khi thực hiện các chương trình xây dựng nông thôn mới, các cấp chính quyền phải đảm bảo công khai, minh bạch khi thực hiện công tác chi, đặc biệt là khi sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN, đồng thời chịu sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền và sự phối hợp từ người dân địa phương (Đoàn Thị Hân, 2017). Đối với những công trình sử dụng vốn NSNN, các cơ quan có thẩm quyền cấp trên như thanh tra tài chính, đầu tư, xây dựng, thực hiện kiểm tra, giám sát tài chính đối với những dự án sử dụng vốn NSNN trên địa bàn cấp dưới qua hình thức giám sát chế độ báo cáo định kỳ, thường xuyên thực hiện thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất (Đoàn Ngọc Hân, 2017; Hoàng Ngọc Hà, 2018).

*Về khâu quyết toán:* quyết toán ngân sách là khâu cuối cùng của quá trình sử dụng NSNN nhằm kiểm tra, rà soát, chỉnh lý lại toàn bộ số liệu đã được kế toán đơn vị phản ánh sau một kỳ hoạt động. Các đơn vị sử dụng NSNN cho xây dựng nông thôn mới phải tổ chức công tác kế toán, thông kê và báo cáo tài chính theo các quy định của pháp luật về chế độ kế toán thống kê. Tất cả các công trình được đầu tư, khi bàn giao đưa vào sử dụng phải được phê duyệt quyết toán hoàn thành. Quyết định phê duyệt quyết toán phải được niêm yết công khai tại các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan (Đoàn Ngọc Hân, 2017; Hoàng Ngọc Hà, 2018).

#### **2.1.2. Các tiêu chí đánh giá cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới**

*Tính hiệu lực:* tính hiệu lực phản ánh tác dụng đích thực của một cơ chế (Lại Văn Tùng, 2018). Tính hiệu lực biểu hiện mức độ hiện thực quyền lực nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước và uy tín của các cơ quan quản lý đối với các tổ chức hoạt động (Trần Lưu Trung, 2017). Đó chính là sự chấp hành của đơn vị, tổ chức, cá nhân (nhà quản lý, người dân) thực hiện sử dụng NSNN cho xây dựng nông thôn mới.

*Tính phù hợp:* tính phù hợp trong cơ chế sử dụng NSNN cho xây dựng nông thôn mới bao gồm: sự phù hợp của các mục tiêu định hướng, quan điểm chính sách của Nhà nước; các quy định pháp luật về sử dụng NSNN cho xây dựng nông thôn mới phải phù hợp. Đảm bảo phù hợp giữa các mối quan hệ của các cơ quan quản lý với các đơn vị thực hiện, sự phù hợp giữa luật với các văn bản hướng dẫn thực hiện của các cơ quan quản lý, ban hành cơ chế, chính sách đối với sử dụng NSNN cho xây dựng. Nhà nước ban hành pháp luật liên quan đến triển khai từng hình thức, từng loại hình và phương thức hoạt động phải được cụ thể, rõ ràng.

*Tính ổn định:* tiêu chí ổn định trong cơ chế được biểu hiện qua sự ổn định về định hướng, ổn định về pháp lý và đảm bảo hài hòa lợi ích cho các tổ chức hoạt động và lợi ích chung cho phát triển kinh tế - xã hội (Trần Lưu Trung, 2017). Cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới phải ít điều chỉnh, bổ sung, đầy đủ nội dung cần thiết để đảm bảo cho các tổ chức hoạt động triển khai được dễ dàng, đảm bảo cho quy trình thực hiện từng hình thức, từng loại hình, phương thức hoạt động được ổn định lâu dài, đảm bảo cho việc thực thi pháp luật của các tổ chức hoạt động.

*Tính hiệu quả:* hiệu quả của cơ chế là xem xét lợi ích mà “khách hàng” có được khi họ bỏ tiền ra (mua, đầu tư,

trợ cấp,...). Yêu cầu tính hiệu quả của cơ chế sử dụng nguồn lực NSNN là xem xét lợi ích mà “nhà nước”, “cộng đồng” có được khi họ bỏ tiền ra (mua, đầu tư, trợ cấp,...) cho xây dựng NTM (Lại Văn Tùng, 2018).

*Tính kinh tế:* cùng với tính hiệu quả, tính kinh tế của cơ chế cũng là yêu cầu quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý (Lại Văn Tùng, 2018); tính kinh tế không đồng nhất với tính hiệu quả của cơ chế. Về nội hàm, tính kinh tế của một cơ chế phản ánh thông qua việc đo lường về mức độ tiết kiệm được các nguồn lực cho triển khai một cơ chế cụ thể (Lại Văn Tùng, 2018). Đánh giá tính kinh tế của cơ chế nghĩa là xác định được liệu có phương án nào để mục tiêu cơ chế đạt được với chi phí thấp nhất (Lại Văn Tùng, 2018).

*2.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An*

*Đặc thù của xây dựng nông thôn mới:* Xây dựng nông thôn mới có nhiều đặc thù, do đó việc sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới đòi hỏi cơ chế phù hợp. Đối tượng trực tiếp thụ hưởng kết quả sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới là cộng đồng dân cư ở địa phương. Đặc điểm này dẫn đến cơ chế yêu cầu phải thực hiện đầy đủ hơn trách nhiệm giải trình và tính công khai minh bạch trong sử dụng nguồn lực tài chính. Do đó, xây dựng cơ chế huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính xây dựng nông thôn mới cần tính đến những đặc thù này. Do đó Đặc thù của xây dựng nông thôn mới có ảnh hưởng đến cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực tài chính xây dựng nông thôn mới.

*Môi trường kinh tế xã hội:* Toàn bộ hoạt động sử dụng nguồn lực tài chính được thực hiện trong môi trường kinh tế xã hội. Ở góc độ kinh tế, hoạt động xây dựng nông thôn mới nhìn chung là hoạt động sử dụng, tiêu tốn nguồn lực, của cải xã hội. Vì vậy, cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính xây dựng nông thôn mới chịu sự tác động mạnh mẽ của môi trường kinh tế xã hội. Một cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực tài chính xây dựng nông thôn mới là cơ chế quản lý tài chính phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, địa phương giúp huy động nhiều nguồn lực tài chính cho nông thôn đồng thời phát huy được tính hiệu quả trong quản lý tài chính.

*Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội:* Việc xây dựng ra các cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính xây dựng nông thôn mới phải phù hợp những quan điểm định hướng phát triển của đất nước trong mỗi giai đoạn. Đây chính là căn cứ cơ sở trực tiếp để xây dựng nên cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới.

*Nhận thức chủ quan của các chủ thể tham gia:* Con người là chủ thể của hoạt động quản lý nên hoạt động quản lý chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi nhận thức chủ quan của người quản lý. Vì vậy, xây dựng cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực tài chính phù hợp, chặt chẽ, phát huy hiệu quả quản lý có thể ít nhận được sự đồng tình, hưởng ứng của một bộ phận người làm công tác quản lý. Dù một cơ chế tốt nhưng khi đi vào thực hiện, nếu không có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hiện cũng khiến việc thực hiện cơ chế gặp khó khăn và vướng mắc.

*Tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất kỹ thuật:* Trong xây dựng, vận hành và hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính thì tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất kỹ thuật được coi là nhân tố nội tại đảm bảo thành công. Tổ chức bộ máy thể hiện phân cấp trong quản lý các lĩnh vực của một cơ quan, tổ chức.

*Trình độ quản lý:* Đội ngũ cán bộ quản lý là bộ phận quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, họ phải là những người đi đầu trong các hoạt động, các phong trào hướng dẫn người dân hiểu rõ từng việc làm cụ thể. Cán bộ quản lý phải biết cách huy động khả năng của người dân vào quá trình xây dựng nông thôn mới. Hơn nữa, cán bộ quản lý cần đi sâu tìm hiểu rõ nhu cầu, nguyện vọng của từng người dân để cố gắng đáp ứng đầy đủ, làm càng tốt nhưng cũng phải có chế độ thưởng phạt nghiêm minh trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

*Thu thập dữ liệu thứ cấp:* nguồn tài liệu thứ cấp bao gồm các thông tin, số liệu chung về xây dựng nông thôn mới; các văn bản của Chính phủ, ngành chức năng về cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới; các bài báo khoa học, các đề tài khoa học về cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới từ các bộ, ngành, tỉnh Nghệ An... được thu thập để phân tích.

*Thu thập dữ liệu sơ cấp:* Nghệ An có 17 huyện, 03 thị xã, 01 thành phố, luận án đã tiến hành điều tra chia thành 4 khu vực, mỗi khu vực chọn 1 huyện/thị xã điều tra khảo sát gồm:

- + Khu vực miền núi: Chọn huyện Tương Dương;
- + Khu vực đồng bằng: Chọn huyện Nam Đàn;
- + Khu vực ven biển: Chọn huyện Quỳnh Lưu;
- + Khu vực thành thị: Chọn thị xã Thái Hòa.

Nghiên cứu tiến hành điều tra khảo sát 250 cán bộ tỉnh, huyện/thị xã và xã/phường tại 04 huyện: Tương Dương, Nam Đàn, Quỳnh Lưu, Thái Hòa.

Mỗi xã/phường điều tra 10 cán bộ gồm: Chủ tịch UBND xã, Bí thư Đảng bộ xã, trưởng thôn/bản,



Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Mặt trận tổ quốc. Mỗi huyện/thị điều tra 40 cán bộ gồm: các cán bộ Phòng Tài chính huyện, cán bộ thuộc Kho Bạc nhà nước huyện, cán bộ thuộc Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng huyện... và 50 cán bộ cấp sở, ban, ngành cấp tỉnh quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới ở Nghệ An. Thời gian thu thập dữ liệu sơ cấp là từ tháng 5/2019 đến tháng 8/2019.

### 2.2.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Các số liệu thu thập được xử lý bằng các phương pháp tổng hợp, phân tổ thống kê, tính toán các chỉ tiêu và thông qua sử dụng phần mềm Excel, SPSS để phân tích số liệu, tài liệu phục vụ cho các nội dung và mục tiêu nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng gồm: phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp mô hình hóa.

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu tiến hành phân tích và lựa chọn 6 yếu tố để kiểm định ảnh hưởng của nó đến biến mục tiêu. Thang đo sử dụng trong nghiên cứu là thang đo likert với 5 mức độ (Rất đồng ý; Đồng ý; Bình thường; Không đồng ý; Rất không đồng ý). Các chỉ báo đo lường các biến được áp dụng có điều chỉnh phù hợp với đặc điểm mẫu nghiên cứu từ các nghiên cứu trước.

Với biến mục tiêu là Cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu sử dụng thang đo của Đoàn Thị Hân (2017) và Hoàng Ngọc Hà (2018) với 6 quan sát. Các biến độc lập bao gồm: Môi trường kinh tế xã hội sử dụng thang đo của Straka & Tuzová (2016) với 5 quan sát; Đặc thù xây dựng nông thôn mới sử dụng thang đo của Lê Sỹ Thọ (2016), Lý Văn Toàn (2017), Đoàn Thị Hân (2017), Nguyễn (2019) với 5 quan sát; Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội sử dụng thang đo của Scoones (1998), Straka & Tuzová (2016) với 6 quan sát; Nhận thức của các chủ thể tham gia sử dụng thang đo của Diu Đức Hà (2015), Hoàng Ngọc Hà (2018), Lê Sỹ Thọ (2016), Lý Văn Toàn (2017) với 4 quan sát; Tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất kỹ thuật sử dụng thang đo của Ammons and Lombardo (2001), Simkova (2008), Straka & Tuzová (2016) với 6 quan sát; Trình độ quản lý sử dụng thang đo của Amartya (1999) với 5 quan sát. Dựa theo nghiên cứu của Hair và các cộng sự (1998) cho tham khảo về kích thước mẫu dự kiến, kích thước mẫu tối thiểu là gấp 5 lần tổng số biến quan sát. Với số quan sát

trong bài là 37 thì quy mô nghiên cứu bao gồm 250 mẫu đảm bảo yêu cầu phân tích.

Số liệu sau khi thu thập được xử lý thông qua chương trình SPSS 20 nhằm đánh giá độ tin cậy của thang đo với hệ số Cronback Alpha  $\geq 0,7$  và có hệ số tương quan biến tổng  $\geq 0,3$ ; Kiểm định giá trị của thang đo bằng cách phân tích nhân tố khám phá EFA trong đó yêu cầu hệ số tải nhân tố  $> 0,5$ , hệ số KMO  $\geq 0,5$  và  $\leq 1$ , Sig của kiểm định Bartlett's  $< 0,05$ , tổng phương sai trích  $> 50\%$ , phương pháp rút trích nhân tố được sử dụng là phương pháp xoay các nhân tố Varimax; Cuối cùng là phân tích mô hình hồi quy.

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Kết quả đạt được khi thực hiện cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới ở Nghệ An

Tại Nghệ An, nguồn lực tài chính từ ngân sách trung ương cấp trực tiếp cho chương trình xây dựng nông thôn mới được cấp theo kế hoạch đã được phê duyệt trên cơ sở đề xuất của UBND xã và được UBND cấp huyện thông báo cụ thể; nguồn vốn sự nghiệp được sử dụng chủ yếu cho công tác tập huấn, tuyên truyền các nội dung của chương trình đến các đối tượng và cho phát triển sản xuất; các nguồn vốn khác tập trung chủ yếu cho các công trình hạ tầng cơ sở.

NSNN được phân bổ cho tất cả các nhóm tiêu chí xây dựng nông thôn mới, trong đó ưu tiên cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội với số vốn là 14.300.484 triệu đồng, chiếm 83,37%; NSNN phân bổ cho phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân còn khiêm tốn là 1.895.508 triệu đồng, chỉ chiếm 11,05% (bảng 1).

*Đầu tư giao thông nông thôn:* chiếm tỷ trọng lớn trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng với số vốn là 7.352.155 triệu đồng, chiếm 51,41% (chi tiết tại bảng 2). Theo báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới mới giai đoạn 2010-2019, toàn tỉnh đã xây dựng, nâng cấp được 10.160,4 km đường giao thông nông thôn các loại. Xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế hỗ trợ xi măng: UBND tỉnh đã giao chỉ tiêu hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với tổng số xi măng đã cấp từ khi thực hiện chương trình đến hết tháng 12 năm 2019 là 668.376 tấn, đã làm 651.561/668.376 tấn, trong đó 3.623 km/3.719 km kế hoạch (đạt 97,4% kế hoạch); tỉnh đã chi ngân sách thực hiện chính sách hỗ trợ xi măng đến hết tháng 12 năm 2019 là 893.761 tỷ đồng (cả chi phí vận chuyển),

**Bảng 1:** Phân bổ sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng NTM ở Nghệ An giai đoạn 2010-2019

TT	Nhóm tiêu chí	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Nâng cao năng lực xây dựng NTM	94.328	0,55
2	Quy hoạch xây dựng NTM	48.969	0,29
3	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	14.300.484	83,37
4	Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp	1.895.508	11,05
5	Văn hóa, xã hội, môi trường	75.737	0,44
6	Quốc phòng, An ninh	6.706	0,04
7	Duy trì, bảo dưỡng công trình	617.178	3,60
8	Nội dung khác	114.805	0,67
<b>Tổng</b>		<b>17.153.716</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Văn phòng điều phối xây dựng NTM Nghệ An, 2019

trong đó đã thanh toán 791,376 tỷ đồng, dư nợ 102,385 tỷ đồng.

Về thủy lợi: từ năm 2010 đến nay các địa phương đã xây dựng, nâng cấp được 3.272 km kênh mương các loại, cải tạo nâng cấp hàng trăm công trình thủy lợi như bờ bao, công, trạm bơm phục vụ tưới tiêu. Đến nay có 383/431 xã đạt tiêu chí số 3, thủy lợi chiếm 88,7%.

Về trường học: bằng lồng ghép các chương trình đã xây dựng mới thêm 289 trường, đến nay toàn tỉnh có 1.104/1.519 trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia, trong đó: trường mầm non 355/500 trường, tiểu học 468/540 trường, trung học cơ sở 235/409 trường, phổ thông trung học 46/70 trường, có 347/431 xã đạt tiêu chí số 5, trường học đạt 80,5%.

**Bảng 2:** Tổng hợp kết quả phân bổ, sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN thực hiện tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội NTM ở Nghệ An giai đoạn 2010-2019

TT	Loại công trình	Nguồn lực (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Giao thông nông thôn	7.352.155	51,41
2	Thủy lợi nội đồng	1.732.242	12,11
3	Điện nông thôn	900.554	6,30
4	Trường học	1.748.433	12,23
5	Cơ sở vật chất văn hóa xã	1.127.451	7,88
6	Cơ sở hạ tầng thương mại	351.196	2,46
7	Trạm y tế xã	394.315	2,76
8	Công trình cung cấp nước sinh hoạt cho người dân	336.132	2,35
9	Công trình xử lý môi trường	132.854	0,93
10	Công trình khác	183.743	1,28
11	Thông tin và truyền thông cơ sở	41.409	0,29
<b>Tổng</b>		<b>14.300.484</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Văn phòng điều phối xây dựng NTM Nghệ An, 2019

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình, quá trình sử dụng NSNN được triển khai thường xuyên, liên tục. Trong giai đoạn 2011 đến nay, Hội đồng nhân dân các cấp đã thực hiện chức

năng giám sát việc thực hiện chương trình đối với các cấp, các ngành và đặc biệt là tại các địa phương trên địa bàn tỉnh. Ban chỉ đạo các cấp đã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất về kết quả, tiến độ triển khai thực hiện chương trình; đồng thời định kỳ 6 tháng, cuối năm, hàng năm đều tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết chương trình. UBND tỉnh đã chỉ đạo

các sở, ngành, phân công nhiệm vụ thành viên ban chỉ đạo tỉnh sâu sát cơ sở kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới.

### 3.2. Đánh giá về cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới ở Nghệ An

#### 3.2.1. Kết quả đạt được

Qua khảo sát của đối tượng quản lý về cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới cho thấy, cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN được đánh giá phần lớn trên mức bình thường. Cụ thể: nội dung “Chấp hành các cơ chế sử dụng NSNN của các đơn vị tổ chức” được đánh giá chỉ có 30,8 là kém. Tiếp theo nội dung tiêu chí

“Cơ chế sử dụng NSNN phù hợp với mục tiêu quan điểm, định hướng, chính sách của nhà nước” có 44% đối tượng quản lý đánh giá kém. Nội dung “Cơ chế sử dụng NSNN cụ thể rõ ràng” chỉ có 30,8% đánh giá mức kém. Nội dung “Cơ chế sử dụng NSNN đảm bảo lợi ích của Nhà nước và cộng đồng” có 8,4% đánh giá mức kém. Cuối cùng nội dung “Cơ chế sử dụng NSNN đảm bảo tính kinh tế, tiết kiệm các nguồn lực” có 16,4 % đối tượng quản lý đánh giá mức kém. Như vậy, có thể kết luận rằng, cơ chế sử dụng NSNN đã đảm bảo hiệu lực, phù hợp, ổn định, hiệu quả và tiết kiệm (chi tiết kết quả tại bảng 3).

**Bảng 3:** Đánh giá chung của đối tượng quản lý về cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN trong xây dựng NTM ở Nghệ An

Tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ %
Tính hiệu lực	Các đơn vị, tổ chức cá nhân chấp hành nghiêm chỉnh theo cơ chế sử dụng NSNN	Chấp hành	48	19,2
		Bình thường	125	50
		Kém	77	30,8
Tính phù hợp	Cơ chế sử dụng NSNN phù hợp với mục tiêu quản điểm, định hướng, chính sách của Nhà nước	Phù hợp	36	14,4
		Bình thường	104	41,6
		Kém	110	44
Tính ổn định	Cơ chế sử dụng NSNN cụ thể rõ ràng	Rõ ràng	42	16,8
		Bình thường	131	52,4
		Kém	77	30,8
Tính hiệu quả	Cơ chế sử dụng NSNN đảm bảo lợi ích của Nhà nước và cộng đồng	Đảm bảo	104	41,6
		Bình thường	125	50
		Kém	21	8,4
Tính kinh tế	Cơ chế sử dụng NSNN đảm bảo tính kinh tế, tiết kiệm các nguồn lực.	Đảm bảo	84	33,6
		Bình thường	125	50
		Kém	41	16,4

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả, 2019

Qua đánh giá của đối tượng quản lý về tác động cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng NTM, có thể thấy, về cơ bản việc quản lý sử dụng các nguồn lực tài chính từ NSNN đã cải thiện được cơ sở hạ tầng, đời sống của người dân, tình hình kinh tế địa phương. Trong đó có 89,2% người quản lý được hỏi cho rằng tác động cơ chế sử dụng NSNN tới nông thôn mới tỉnh Nghệ An là tốt. (bảng 4).

**Bảng 4:** Đánh giá của đối tượng quản lý về tác động cơ chế sử dụng NSNN tới nông thôn tỉnh Nghệ An

Các tiêu chí đánh giá	Mức độ	Số người	Tỷ lệ %
Cơ sở hạ tầng của địa phương	Tốt	240	96
	Không đời	10	4,4
	Kém	0	0
Tình hình kinh tế của địa phương	Tốt	217	86,8
	Không đời	33	13,2
	Kém	0	0
Đời sống và thu nhập của người dân	Tốt	225	90
	Không đời	25	10
	Kém	0	0
Đánh giá tổng thể	Tốt	223	89,2
	Không đời	27	10,8
	Kém	0	0

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả, 2019

3.2.2. Những vướng mắc và bất cập của cơ chế  
- Các nội dung NSNN hỗ trợ 100% hay hỗ trợ một phần từ NSNN được quy định chi tiết tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2020 và quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016; điều này giúp địa

phương chủ động trong xây dựng kế hoạch chương trình xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, mức hỗ trợ một phần từ NSNN chưa rõ ràng nên gây khó khăn cho địa phương trong phân bổ nguồn lực hàng năm, đặc biệt, mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương được ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương khó khăn chưa tự cân đối ngân sách, địa bàn đặc biệt khó khăn và những địa phương làm tốt.

- Hiện nay cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân đang còn khiêm tốn (chiếm 11,05%). Một số xã chủ yếu đang tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, nhưng một số nội dung như phát triển sản xuất, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân, bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức, gặp nhiều khó khăn.

- Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn lồng ghép, vì mỗi chương trình có quy định riêng, nên cơ chế quản lý và lồng ghép giữa các chương trình, dự án thiếu đồng bộ và sự phối hợp khó khăn, nhất là khâu lập kế hoạch, công tác phân bổ nguồn lực, giám sát đầu tư và thanh quyết toán các nguồn vốn, gây lúng túng trong tổ chức thực hiện.

- Năng lực, trách nhiệm chủ đầu tư tại một số xã còn nhiều bất cập, yếu kém, nhiều địa phương chưa nắm được

quy trình đầu tư, không kiểm soát được công việc của tư vấn và thi công của nhà thầu.

- Một số chủ trương, chính sách của Nhà nước liên quan đến công tác đầu tư xây dựng có sự thay

đổi hàng năm, đồng thời trong quá trình thực hiện có những thay đổi về giá vật tư, nguyên liệu... đã ảnh hưởng tới quản lý và sử dụng các nguồn lực cho Chương trình nông thôn mới cũng như ảnh hưởng tới chất lượng và tiến độ các công trình.

3.2.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An

Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của tất cả các biến đều thỏa mãn yêu cầu (>0,7), điều này chứng tỏ độ tin cậy của thang đo lựa chọn trong mô hình. Tuy nhiên, chỉ báo DTXD3 có chỉ số Cronbach's Alpha If Item Deleted là 0,825 lớn hơn chỉ số Cronbach's Alpha của biến DTXD (0,809), chỉ báo QDDH6 có chỉ số Cronbach's Alpha If Item Deleted là 0,886 lớn hơn chỉ số Cronbach's Alpha của biến QDDH (0,884), chỉ báo CCSD5 có chỉ số Cronbach's Alpha If Item Deleted là 0,937 lớn hơn chỉ số Cronbach's Alpha của biến CCSD (0,933). Vì vậy, để tăng tính phù hợp của thang đo, nghiên cứu tiến hành loại các chỉ báo này.

**Bảng 5:** Đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha

STT	Biến	Ký hiệu	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới	CCSD	0,937
2	Môi trường kinh tế xã hội	KTXH	0,893
3	Đặc thù xây dựng nông thôn mới	DTXD	0,825
4	Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	QDDH	0,886
5	Nhận thức của các chủ thể tham gia	NTCT	0,876
6	Tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất kỹ thuật	TCBM	0,872
7	Trình độ quản lý	TDQL	0,925

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả phân tích của tác giả

Phân tích nhân tố khám phá EFA

Sau khi tiến hành kiểm định mức độ phù hợp của thang đo, nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA. Quá trình phân tích được tiến hành đối với cả biến lập và biến phụ thuộc. Kết quả phân tích cho thấy dữ liệu đảm bảo yêu cầu phân tích do có các hệ số tải nhân tố >0,5, hệ số 0,5 <= KMO <= 1, Sig của kiểm định Bartlett's là 0.000 (<0.05), tổng phương sai trích > 50% và thỏa mãn hai điều kiện là "Giá trị hội tụ" (các biến quan sát hội tụ về cùng một nhân tố) và "Giá trị phân biệt" (các biến quan sát thuộc về nhân tố này phân biệt với nhân tố khác).

Phân tích mô hình hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến vì hệ số phóng đại phương sai VIP đều nhỏ hơn 2. Điều này chứng tỏ mức độ chính xác của kết quả kiểm định mô hình và dữ liệu thu thập. Tất cả các biến độc lập đưa vào mô hình đều có tác động thuận chiều đến biến phụ thuộc là cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới với hệ số Sig. <0,05 và hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta đều dương. Trong đó, với hệ số hồi quy chuẩn hóa cao nhất trong tất cả các biến độc lập đưa vào mô hình là 0,276, biến Trình độ quản lý có ảnh hưởng mạnh nhất tới cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An. Thứ tự ảnh hưởng tiếp theo bao gồm biến Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội với hệ số hồi quy chuẩn hóa là 0,231; Môi trường kinh tế xã hội (0,182); Tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất kỹ thuật (0,161); Đặc thù xây dựng nông thôn mới (0,147) và Nhận thức của các chủ thể tham gia (0,126). Phương trình hồi quy thu được:

$$CCSD = -0,461 + 0,185 * KTXH + 0,154 * DTXD + 0,126 * NTCT + 0,163 * TCBM + 0,282 * TDQL.$$

Hệ số R<sup>2</sup> hiệu chỉnh là 0,604. Điều này có nghĩa các biến độc lập đưa vào ảnh hưởng 60,4 % sự thay đổi của biến phụ thuộc (Cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới). Các kiểm tra khác cho thấy, giả thuyết hồi quy không bị vi phạm. Giá trị

Sig. của kiểm định F là 0,000 <0,05. Đồng thời, Hệ số Durbin - Watson là 1,560 (trong khoảng từ 1 đến 3), chứng tỏ mô hình không có hiện tượng tự tương quan. Ngoài ra, giá trị sig mối tương quan hạng giữa phần dư chuẩn hóa (ABSRES) với các biến độc lập đều > 0,05, do đó không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi xảy ra. Các kết quả này thể hiện tính phù hợp của mô hình và dữ liệu nghiên cứu.

**Bảng 6:** Kết quả phân tích nhân tố EFA

Phân tích EFA	Hệ số KMO	P-value	Phương sai trích	Hệ số tải nhân tố	Kết luận
Biến độc lập	0,891	0,000	69,839	Tất cả >0,5	Đảm bảo yêu cầu phân tích
Biến phụ thuộc	0,895	0,000	80,164	Tất cả >0,5	Đảm bảo yêu cầu phân tích

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả phân tích của tác giả



**Bảng 7:** Kết quả phân tích hồi quy các nhân tố tác động đến cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An

STT	Biến độc lập	Hệ số hồi quy	Hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta	Sig.	Hệ số phóng đại phương sai VIP
	(Constans)	-0,461		0,050	
1	Môi trường kinh tế xã hội	0,185	0,182	0,001	1,678
2	Đặc thù xây dựng nông thôn mới	0,154	0,147	0,003	1,452
3	Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	0,185	0,231	0,000	1,589
4	Nhận thức của các chủ thể tham gia	0,126	0,126	0,008	1,392
5	Tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất kỹ thuật	0,163	0,161	0,001	1,381
6	Trình độ quản lý	0,282	0,276	0,000	1,727

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả phân tích của tác giả

**4. Kết luận và kiến nghị**

Nghiên cứu trên cơ sở phân tích thực trạng, đồng thời đánh giá, xây dựng và kiểm định mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nghệ An. Kết quả nghiên cứu cho thấy về cơ bản cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính hiệu lực, phù hợp... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế (trong kiểm soát nguồn vốn lồng ghép, phân bổ ngân sách cho phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, năng lực và trách nhiệm chủ đầu tư...) đã ảnh hưởng đến tiến độ, kế hoạch xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, kết quả phân tích mô hình định lượng cũng chứng minh được rằng tất cả các biến đưa vào mô hình đều có tác động thuận chiều đến cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới. Trong đó, Trình độ quản lý có ảnh hưởng mạnh nhất; Thứ tự ảnh hưởng tiếp theo bao gồm Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội; Môi trường kinh tế xã hội; Tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất kỹ thuật; Đặc thù xây dựng nông thôn mới và Nhận thức của các chủ thể tham gia. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, đề chủ trương xây dựng nông thôn mới tiếp tục đạt được những kết quả tốt hơn nữa, thời gian tới tỉnh Nghệ An cần thực hiện:

- Cần phải tăng cường công tác đào tạo, nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý nguồn vốn ở các cấp tỉnh, huyện, xã. Đội ngũ cán bộ, nhân viên phải được đào tạo lại nhằm đáp ứng yêu cầu công việc mà họ đảm nhiệm. Địa phương cần tổ chức các khóa học để đào tạo đội ngũ cán bộ có

năng lực trang bị đầy đủ các kiến thức về quản lý đầu tư, lập, thẩm định các dự án xây dựng nông thôn mới, đặc biệt đội ngũ quản lý tại các xã.

- Tạo cơ chế huy động, tăng cường nguồn vốn cho đầu tư phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân. Tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là đầu tư phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực và có lợi thế của tỉnh.

- Tranh thủ tối đa nguồn lực Trung ương, tăng cường lồng ghép đồng bộ, chặt chẽ nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các địa phương. Tiếp tục đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng xã hội hóa. Đặc biệt tăng cường huy động nguồn vốn từ người dân trong xây dựng nông thôn mới. ♦

**Tài liệu tham khảo:**

1. Amartya, S. (1999), *The Possibility of Social Choice*, American Economic Review, 89 (3), pp. 349-378;
2. Ammons, D.N., Coe, C., & Lombardo, M. (2001), *Performance Comparison Projects in Local Government: Participants' Perspectives*, Public Administration Review, 61 (1), 100-110.
3. Bộ kế hoạch và đầu tư (2017), *Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT của Bộ kế hoạch đầu tư Quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã*, Hà Nội.
4. Bộ tài chính (2016), *Thông tư 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 về quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ NSNN thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội;
5. Chính Phủ (2015), *Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý đầu tư xây dựng*, Hà Nội.
6. Chính Phủ (2016), *Nghị định 161/2016/NĐ-CP ban hành cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.

7. Đào Phan Cẩm Tú (2014), *Hoàn thiện cơ chế phân bổ, sử dụng tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục phổ thông công lập ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện tài chính.

8. Diu Đức Hà (2017), *Huy động nguồn lực tài chính phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện tài chính.

9. Đoàn Thị Hân (2017), *Huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

10. Hair, J.F., Anderson, R.E., Tatham, R.L. & Black, W.C. (1998), *Multivariate Data Analysis*, (5<sup>th</sup> Edition), Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall.

11. Hoàng Ngọc Hà (2018), *Huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Thương mại.

12. Lại Văn Tùng (2018), *Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các trường đào tạo sỹ quan quân đội*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện tài chính.

13. Lê Sỹ Thọ (2016), *Huy động và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính.

14. Lý Văn Toàn (2017), *Huy động cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thái Nguyên*, Luận án tiến sĩ, Đại học Thái Nguyên.

15. Nguyen, V.C. (2019), *Impacts of rural roads on household welfare in Vietnam: evidence from a replication study*, Journal of Economics and Development, 21(1), pp. 83-112.

16. Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Luật Ngân sách Nhà nước*, Hà Nội.

17. Scoones, I. (1998), *Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis*, IDS Working Paper, 72, pp. 86-98.

18. Simkova, E. (2008), *The sustainable development of rural areas and the role of rural tourism*, E & M Ekonomie A Management, 11(1), pp. 26-32.

19. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An (2019), *Công văn số 4529/SKHĐT-TH ngày 25/12/2019 về việc tổng hợp kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia 2016-2020*, Nghệ An.

20. UBND tỉnh Nghệ An (2017), *Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An*.

21. UBND tỉnh Nghệ An (2017), *Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy chế quản lý điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An*.

22. UBND tỉnh Nghệ An (2019), *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2019*, Nghệ An.

23. Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Nghệ An (2019), *Báo cáo tổng hợp kết quả huy động nguồn lực thực hiện chương trình nông thôn mới giai đoạn 2010-2019 và kế hoạch 2020*, Nghệ An.

### Summary

The article analyzes the current situation, at the same time builds and tests the model of factors affecting the mechanism of using financial resources from the state budget for new rural construction in Nghe An province. With quantitative research method combined with comparison, analysis, and synthesis based on actual survey and survey (250 subjects). The research results show that, basically, the mechanism of using financial resources from the state budget for rural construction has been implemented in accordance with regulations, ensuring the effectiveness, appropriateness ... Besides, still shortcomings (in controlling integrated capital sources, allocating budgets for production development associated with agricultural restructuring, rural economic restructuring, improving people's income, capacity) and the responsibility of the investor ...) has affected the progress and plans for new rural construction. The results of testing the research model also prove that all variables included in the model have a positive impact on the mechanism of using financial resources from the state budget for new rural construction, in which The most influential, managerial qualifications. Since then, the article gives some recommendations to improve the mechanism of using financial resources from the state budget for new rural construction in Nghe An province in the coming time.